TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Tùng

2/ Ông Nguyễn Hùng Phước

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên toà***: Bà Lương Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 723/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1992. Địa chỉ: số H tổ B, ấp A, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp – có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn Bảo T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: số B, tổ E, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Phạm Văn Bảo T chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đến cuối năm 2017 bà về nhà cha mẹ ruột bà sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn Bảo T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Phạm Văn Bảo T vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết không có ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Phạm Văn Bảo T. Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung, do ông T vắng mặt nên không làm rõ được; trường hợp, sau này có trang chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn khởi kiện đối với ông Phạm Văn Bảo T về việc yêu cầu ly hôn. Bà N và ông T có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Ly hôn*". Ông T đang cư trú tại khu V, phường H, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] *Xét về sự vắng mặt của bị đơn*: Bị đơn là ông Phạm Văn Bảo T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết. Sau khi Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Huỳnh N;* thấy rằng, bà N và ông Phạm Văn Bảo T tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 31/3/2016 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông bà chung sống với nhau thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Lẽ ra, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, tình nghĩa vợ chồng giữa ông bà đã không thực hiện được như vậy, mà còn để cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lấn át tình yêu thương, thậm chí sống ly thân với nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà N luôn cương quyết ly hôn. Còn ông T vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết nên cho thấy ông T cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thực sự trầm

trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà ly hôn với ông T là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Ông bà chung sống không có con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà N xác định không có. Tuy nhiên, ông T vắng mặt nên không làm rõ được. Trường hợp, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Phạm Văn Bảo T.

2/ Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006487 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà N đã nộp xong án phí.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án đối với bị đơn, các đương sự được quyền kháng cáo./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV 3 –Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 3- Cần Thơ;
- UBND P. Ninh Kiều (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lo